

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG CHƠN THÀNH**

Số: /UBND-KT

V/v thống nhất điều chỉnh, bổ sung Biên bản
xét duyệt ngày 21/5/2025 của UBND phường
Minh Thành (cũ) để thực hiện dự án Xây
dựng đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh -
Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa
bàn phường Chơn Thành.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Chơn Thành, ngày tháng năm 2025

Kính gửi: Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai -
Chi nhánh Chơn Thành.

UBND phường Chơn Thành nhận được Công văn số 1123/TTPTQĐ.CNCT ngày 15/12/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung biên bản xét duyệt hồ sơ của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án Xây dựng đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa bàn phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (đợt 7 - 17 thửa đất).

Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ quản lý đất đai, các hồ sơ liên quan và Biên bản làm việc ngày 28/11/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành, Xét đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Công văn số 942/PKHTĐT ngày 25/12/2025, Chủ tịch UBND phường có ý kiến như sau:

1. Thống nhất điều chỉnh Biên bản xét duyệt ngày 21/5/2025 của UBND phường Minh Thành (cũ), cụ thể:

1.1. Tại cột Nhà ở, công trình phụ số thứ tự 02 của hộ ông Nguyễn Văn Khang và bà Trần Thị Ngọc Lợi, **ghi:**

"1. Nhà 1: $(5,0 \times 22,1) + (8,05 \times 7,44) = 170,39m^2$ nhà cao 4,5m, móng BTCT, giằng móng, giằng tường bằng BTCT, nền gạch men, tường 10cm bả mastic sơn nước, một phần ốp gạch men, mái tôn, kèo sắt, laphông tôn, cửa kính khung sắt, xây dựng tháng 03/2024.

2. Nhà tiền chế 1: $(5,0 \times 7,12) + (22,7 \times 2,4) = 90,08m^2$ mái tôn, cột sắt, kèo sắt, lưới B40 (cao 1,9m), nền lót gạch lát sân, xây dựng tháng 03/2024.

3. Hầm tự hoại 1: $(3,0 \times 2,1 \times 3,5) = 22,05m^3$ móng bê tông, thành xây gạch 20cm, có nắp đan BTCT, xây dựng tháng 03/2024.

4. Trụ cổng 02 cái $(2,7 \times 0,6 \times 0,6) \times 2 = 1,94m^3$ xây tường 10cm, ốp gạch men 4 mặt, xây dựng tháng 03/2024.

5. Cửa sắt $(1,53 \times 2,5) \times 2 = 7,65m^2$, xây dựng tháng 03/2024.

6. Bàn thiên xây 01 cái, ốp gạch men, xây dựng tháng 03/2024.

7. Gạch men ốp tường: 170,2 m², xây dựng tháng 03/2024.

8. Giếng khoan dân dụng 1: (01 cái). Sâu 10m. Tháng 03/2024.

9. Chân bồn nước: (1 cái). Cao 6m, 4 trụ bê tông $(0,65 \times 0,65 \times 0,25) = 0,105m^3$. Tháng 03/2024.
10. Bậc tam cấp: $(2,0 \times 0,8) = 1,6m^2$. Xây gạch, nền bằng gạch lót sân. Tháng 03/2024.
11. Nhà 2: $(4,03 \times 13,2) + (7,0 \times 3,13) = 75,106m^2$. Cao 4m, móng gạch, giằng móng, giằng tường, tường xây 10cm, có tô trát quét vôi, một phần ốp gạch men, nền gạch men, mái tôn, kèo sắt, không có la phong, cửa khung sắt bít tôn. Năm xây dựng 2010.
11. Nhà tiền chế 2: $(3,2 \times 6,0) = 19,2m^2$. Cột sắt, kèo sắt, mái tôn, không vách. Năm 2023.
12. Hầm tự hoại 2: $(1,47 \times 2,1 \times 3,5) = 10,8045m^3$. Móng bê tông, thành xây gạch 20cm, có nắp đan BTCT. Năm 2020.
13. Giếng khoan dân dụng 2: (01 cái). Sâu 10m, thành giếng xây gạch 10cm có tô trát $(0,4 \times 0,75 \times 1,1)$. Năm 2020.
14. Chuồng 1: $(1,7 \times 2,2) = 3,74m^2$. Kèo tre, cột gỗ, mái tôn, nền đất, bao lưới sắt, dựa vách nhà. Năm 2022
15. Chuồng 2: $(4,9 \times 2,2) = 10,78m^2$. Nền gạch xi măng, kèo cột gỗ tạp, dựa vách nhà, mái tôn. Năm 2022
16. Nền xi măng 1: $(1,3 \times 1,4) = 1,82m^2$. Năm 2022.
17. Chân bồn nước xây gạch (01 cái): $(3,07 + 1,07 + 0,2) \times 2 = 8,68m^2$. Gạch xây tô trát, tường 20cm. Năm 2020.
18. Giàn cây leo: $(3,8 \times 4,9) = 18,62m^2$. Trụ bê tông (07 trụ), giàn dây cáp quang. Năm 2023
19. Nhà tạm: $(3,85 \times 3,78) = 14,553m^2$. Cột gỗ, kèo gỗ, mái tôn, vách tôn, nền đất. Năm 2023
20. Chuồng 3: $(1,7 \times 1,3) + (1,6 \times 3) = 7,01m^2$. Mái tôn, vách tôn, nền bê tông, cột gỗ, kèo gỗ, lưới B40. Năm 2019
21. Chuồng 4: $(2,3 \times 1,7) = 3,91m^2$. Cột kèo gỗ tạp, nền xi măng, mái tôn, vách tôn. Năm 2020
22. Nền xi măng 2: $(2,1 \times 2,1) = 4,41m^2$. Năm 2023
23. Nhà tiền chế 3: $(6 \times 3,4) = 20,4m^2$. Kèo sắt, mái tôn, cột gỗ, nền bê tông, một vách dựa nhà. Năm 2022
24. Nhà tiền chế 4: $(11,6 \times 10) = 116m^2$. Mái tôn, cột sắt, kèo sắt, nền lát gạch sân $(82,2m^2)$, lưới B40 cao 1,4m. Năm 2020.
25. Trụ cống: $(1,8 \times 0,24 \times 0,3) \times 2 = 0,2592m^3$. Xây ốp gạch men. Năm 2020
26. Cửa sắt: $(0,88m \times 2m) \times 2 = 3,52m^2$. Năm 2020.
27. Mộ (05 cái): Xây kiên cố, ốp gạch men. Năm xây mộ: 2015, 2018, 2019.
28. Mộ (01 cái): Xây kiên cố ốp đá hoa cương. Năm 2000.
29. Mộ (01 cái): Xây tô. Năm 2020
30. Sân sỏi đỏ 1: $25 \times 4 = 100m^2$. Tháng 03/2024.
31. Sân sỏi đỏ 2: $27 \times 3 = 81m^2$. Tháng 03/2024.”.

Nay điều chỉnh, bổ sung thành:

“1. Nhà 1: $(5,0 \times 22,1) + (8,05 \times 7,44) = 170,39m^2$ nhà cao 4,5m, móng BTCT, giằng móng, giằng tường bằng BTCT, nền gạch men, tường 10cm bả mastic sơn nước, một phần ốp gạch men, mái tôn, kèo sắt, laphông tôn, cửa kính khung sắt, xây dựng tháng 03/2024.

2. Nhà tiền chế 1: $(5,0 \times 7,12) + (22,7 \times 2,4) = 90,08m^2$ mái tôn, cột sắt, kèo sắt, lưới B40 (cao 1,9m), nền lót gạch lát sân, xây dựng tháng 03/2024.

3. Hàm tự hoại 1: $(3,0 \times 2,1 \times 3,5) = 22,05m^3$ móng bê tông, thành xây gạch 20cm, có nắp đan BTCT, xây dựng tháng 03/2024.

4. Trụ cổng 02 cái $(2,7 \times 0,6 \times 0,6) \times 2 = 1,94m^3$ xây tường 10cm, ốp gạch men 4 mặt, xây dựng tháng 03/2024.

5. Cửa sắt $(1,53 \times 2,5) \times 2 = 7,65m^2$, xây dựng tháng 03/2024.

6. Bàn thiên xây 01 cái, ốp gạch men, xây dựng tháng 03/2024.

7. Gạch men ốp tường: $170,2 m^2$, xây dựng tháng 03/2024.

8. Giếng khoan dân dụng 1: (01 cái). Sâu 10m. Tháng 03/2024.

9. Chân bồn nước: (1 cái). Cao 6m, 4 trụ bê tông $(0,65 \times 0,65 \times 0,25) = 0,105m^3$. Tháng 03/2024.

10. Bậc tam cấp: $(2,0 \times 0,8) = 1,6m^2$. Xây gạch, nền bằng gạch lát sân. Tháng 03/2024.

11. Nhà 2: $(4,03 \times 13,2) + (7,0 \times 3,13) = 75,106m^2$. Cao 4m, móng gạch, giằng móng, giằng tường, tường xây 10cm, có tô trát quét vôi, một phần ốp gạch men, nền gạch men, mái tôn, kèo sắt, không có la phông, cửa khung sắt bít tôn. Năm xây dựng 2010.

11. Nhà tiền chế 2: $(3,2 \times 6,0) = 19,2m^2$. Cột sắt, kèo sắt, mái tôn, không vách. Năm 2023.

12. Hàm tự hoại 2: $(1,47 \times 2,1 \times 3,5) = 10,8045m^3$. Móng bê tông, thành xây gạch 20cm, có nắp đan BTCT. Năm 2020.

13. Giếng khoan dân dụng 2: (01 cái). Sâu 10m, thành giếng xây gạch 10cm có tô trát $(0,4 \times 0,75 \times 1,1)$. Năm 2020.

14. Chuồng 1: $(1,7 \times 2,2) = 3,74m^2$. Kèo tre, cột gỗ, mái tôn, nền đất, bao lưới sắt, dựa vách nhà. Năm 2022

15. Chuồng 2: $(4,9 \times 2,2) = 10,78m^2$. Nền gạch xi măng, kèo cột gỗ tạp, dựa vách nhà, mái tôn. Năm 2022

16. Nền xi măng 1: $(1,3 \times 1,4) = 1,82m^2$. Năm 2022.

17. **Chân bồn nước xây gạch (01 cái): Gạch xây tô trát, tường 20cm. $(3,07 \times 1,07) \times 2 = 7,918m^2$. Năm 2020**

18. Giàn cây leo: $(3,8 \times 4,9) = 18,62m^2$. Trụ bê tông (07 trụ), giàn dây cáp quang. Năm 2023

19. Nhà tạm: $(3,85 \times 3,78) = 14,553m^2$. Cột gỗ, kèo gỗ, mái tôn, vách tôn, nền đất. Năm 2023

20. Chuồng 3: $(1,7 \times 1,3) + (1,6 \times 3) = 7,01m^2$. Mái tôn, vách tôn, nền bê tông, cột gỗ, kèo gỗ, lưới B40. Năm 2019

21. Chuồng 4: $(2,3 \times 1,7) = 3,91m^2$. Cột kèo gỗ tạp, nền xi măng, mái tôn, vách tôn. Năm 2020

22. Nền xi măng 2: $(2,1 \times 2,1) = 4,41m^2$. Năm 2023

23. Nhà tiền chế 3: $(6 \times 3,4) = 20,4m^2$. Kèo sắt, mái tôn, cột gỗ, nền bê tông, một vách dựa nhà. Năm 2022

24. Nhà tiền chế 4: $(11,6 \times 10) = 116m^2$. Mái tôn, cột sắt, kèo sắt, nền lát gạch sân $(82,2m^2)$, lưới B40 cao 1,4m. Năm 2020.

25. Trụ cổng: $(1,8 \times 0,24 \times 0,3) \times 2 = 0,2592m^3$. Xây ốp gạch men. Năm 2020

26. Cửa sắt: $(0,88m \times 2m) \times 2 = 3,52m^2$. Năm 2020.

27. Mộ (05 cái): Xây kiên cố, ốp gạch men. Năm xây mộ: 2015, 2018, 2019.

28. Mộ (01 cái): Xây kiên cố ốp đá hoa cương. Năm 2003

29. Mộ (01 cái): Xây tô. Năm 2020.

30. Sân sỏi đỏ 1: $25 \times 4 = 100m^2$. Tháng 03/2024.

31. Sân sỏi đỏ 2: $27 \times 3 = 81m^2$. Tháng 03/2024.

32. Giếng khoan: 01 cái sâu 8m. Thành giếng $(0,6 \times 0,9)$ sâu 0,45m, xây gạch có tô trát, xây dựng năm 2000.

33. Chuồng 5: $(7,5m \times 1,2m)$ nền đất, mái tôn, vách lưới kẽm+tôn. Năm 2022.

34. Chuồng 6: $(2m \times 1m)$ nền đất, mái tôn, vách kẽm. Năm 2022.”.

1.2. Tại cột Cây trồng, vật nuôi khác số thứ tự 02 của ông Nguyễn Văn Khang và bà Trần Thị Ngọc Lợi, **ghi:**

“1. Tràm 01 cây, $(D=35cm)$. Năm 2005

2. Tràm 01 cây, $(D=40cm)$. Năm 2005

3. Tràm 01 cây, $(D=25cm)$. Năm 2005

4. Mai vàng 03 cây. Năm 2023

5. Mai vàng 02 cây. Năm 2020

6. Mai vàng 01 cây. Năm 2010

7. Mai vàng 06 cây. Tháng 04/2024

8. Bông giấy (01 chậu). Năm 2022

9. Sương sâm $01m^2$. Giàn (cột bê tông). Năm 2015

10. Đuôi phụng (01 chậu). Năm 2022

11. Trà mi (01 chậu). Năm 2020

12. Lưỡi hổ (01 chậu). Năm 2022

13. Bách thủy tiên (12 chậu). Năm 2023

14. Phú quý (01 chậu). Năm 2021

15. Ôi hoa ngũ sắc (01 chậu). Năm 2020

16. Ngọc trai (02 chậu). Năm 2020

17. Vạn niên thanh (05 chậu). Năm 2020

18. Mai vàng 02 cây. Năm 2015.

19. Bưởi 01 cây. Năm 2019
 20. Đu đủ 02 cây. Tháng 04/2024
 21. Mít 07 cây. Tháng 04/2024
 22. Giáng hương 01 cây ($D=15\text{cm}$). Năm 2015
 23. Cây trầu 01 cây ($D<10\text{cm}$). Năm 2023
 24. Cây bứa 01 cây. Năm 2017
 - 25. Mai chiếu thủy (02 chậu). Năm 2022**
 - 26. Hoa sứ (02 chậu). Năm 2022**
 - 27. Bông trang (02 chậu). Năm 2020**
 28. Sen đất 31 cây ($2,16\text{m}^2$). Năm 2022
 29. Phát tài lá đỏ: 02 cây. Năm 2010
 30. Giáng hương: 01 cây ($D=25\text{cm}$). Năm 2005
 31. Phát tài: 03 cây (trồng ngoài đất). Năm 2015
 32. Chòi mòi: 01 cây. Năm 2020
 33. Đinh lăng: 06 cây (3m^2). Năm 2020
 34. Thuộc nam: 01m^2 . Năm 2022
 35. Chanh: 01 cây. Năm 2015
 36. Khế: 01 cây. Năm 2015
 37. Lá lốt: 126m^2 . Năm 2015
 - 38. Phát tài 05 chậu. Năm 2022**
 39. Giáng hương: 07 cây ($D<10\text{cm}$). Năm 2005
 40. Ngũ da bì: 02 cây (trồng ngoài đất). Năm 2010
 - 41. Đồng tiền 04 chậu. Năm 2022**
 - 42. Đuôi công 01 chậu. Năm 2022**
 - 43. Hồng môn 03 chậu. Năm 2022**
 - 44. Châu bà đế vương 01 chậu. Năm 2022**
 - 45. Dứa kiếng 02 chậu. Năm 2022**
 - 46. Vạn lộc 02 chậu. Năm 2022**
 47. Tràm 150 cây. Tháng 05/2024
 - 48. Thơm (Dứa) $2,73\text{m}^2$. Tháng 03/2024**
 - 49. Chuối: $25,03\text{m}^2$ (thu hoạch 1 lần). Năm 2023**
 50. Lim 01 cây ($D=40\text{cm}$). Năm 1995. ”.
- Nay điều chỉnh, bổ sung thành:**
- “1. Tràm 01 cây, ($D=35\text{cm}$). Năm 2005
 2. Tràm 01 cây, ($D=40\text{cm}$). Năm 2005
 3. Tràm 01 cây, ($D=25\text{cm}$). Năm 2005
 4. Mai vàng 03 cây. Năm 2023
 5. Mai vàng 02 cây. Năm 2020

6. Mai vàng 01 cây. Năm 2010
7. Mai vàng 06 cây. Tháng 04/2024
- 8. Bông giấy (01 chậu) D=40cm chậu xi măng. Năm 2022**
9. Sương sâm 01m². Giàn (cột bê tông). Năm 2015
- 10. Đuôi phụng (01 chậu) D=30cm chậu nhựa. Năm 2022**
- 11. Trà mi (01 chậu) D=80cm chậu xi măng. Năm 2020**
- 12. Lưỡi hổ (01 chậu) D=40cm chậu xi măng. Năm 2022**
- 13. Bách thủy tiên (12 chậu) D=30cm chậu nhựa. Năm 2023**
- 14. Phú quý (01 chậu) D=30 chậu xi măng. Năm 2021**
- 15. Ôi hoa ngũ sắc (01 chậu) D=80cm chậu xi măng. Năm 2020**
- 16. Ngọc trai (02 chậu) D=30cm chậu xi măng. Năm 2020**
- 17. Vạn niên thanh (05 chậu) D=30 chậu nhựa. Năm 2020**
18. Mai vàng 02 cây. Năm 2015.
19. Bưởi 01 cây. Năm 2019
20. Đu đủ 02 cây. Tháng 04/2024
21. Mít 07 cây. Tháng 04/2024
22. Giáng hương 01 cây (D=15cm). Năm 2015
23. Cây trường 01 cây (D<10cm). Năm 2023
24. Cây bứa 01 cây. Năm 2017
- 25. Mai chiếu thủy (02 chậu) D=30cm chậu xi măng. Năm 2022**
- 26. Hoa sứ (02 chậu) D=25cm chậu nhựa. Năm 2022**
- 27. Bông trang (02 chậu) D=8cm chậu xi măng và D=30cm chậu nhựa. Năm 2020**
28. Sen đất 31 cây (2,16m²). Năm 2022
29. Phát tài lá đỏ: 02 cây. Năm 2010
30. Giáng hương: 01 cây (D=25cm). Năm 2005
31. Phát tài: 03 cây (trồng ngoài đất). Năm 2015
32. Chòi mòi: 01 cây. Năm 2020
33. Đinh lăng: 06 cây (3m²). Năm 2020
34. Thuốc nam: 01m². Năm 2022
35. Chanh: 01 cây. Năm 2015
36. Khế: 01 cây. Năm 2015
37. Lá lóp: 126m². Năm 2015
- 38. Phát tài 05 chậu D=30cm chậu xi măng. Năm 2022**
39. Giáng hương: 07 cây (D<10cm). Năm 2005
40. Ngũ da bì: 02 cây (trồng ngoài đất). Năm 2010
- 41. Đồng tiền 04 chậu D=30cm chậu xi măng. Năm 2022**
- 42. Đuôi công 01 chậu D=30cm chậu nhựa. Năm 2022**
- 43. Hồng môn 03 chậu D=30cm chậu xi măng. Năm 2022**

44. Châu bà đế vương 01 chậu $D=30\text{cm}$ chậu nhựa. Năm 2022

45. Dừa kiểng 02 chậu $D=30\text{cm}$ chậu nhựa. Năm 2022

46. Vạn lộc 02 chậu $D=30\text{cm}$ chậu nhựa. Năm 2022

47. Tràm 150 cây. Tháng 05/2024

48. Thơm (Dứa) $2,73\text{m}^2$ (12 cây). Tháng 03/2024

49. Chuối: $25,03\text{m}^2$ (36 cây) (thu hoạch 1 lần). Năm 2023

50. Lim 01 cây ($D=40\text{cm}$). Năm 1995

51. Chậu sen xi măng: 01 chậu trồng năm 2005 ($D = 80\text{cm}$).

52. Chậu hoa lan: 02 chậu trồng năm 2020 ($D = 10\text{cm}$).”.

Lý do: Bổ sung thông tin để đủ cơ sở áp giá bồi thường, hỗ trợ (đường kính chậu, loại chậu, năm xây dựng mộ), tại thời điểm Kiểm kê hiện trạng ngày 19/3/2025 Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Chơn Thành (cũ) đã xác định thiếu cây trồng trong chậu, công trình trên đất nên đã tổ chức kiểm tra, xác minh bổ sung đối với công trình, cây trồng nêu trên (Ghi nhận tại Biên bản ngày 28/11/2025).

2. Ngoài nội dung điều chỉnh nêu trên, các nội dung khác thực hiện theo Biên bản xét duyệt ngày 21/5/2025 của UBND phường Minh Thành (cũ).

UBND phường phúc đáp đề Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành (Đơn vị tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) làm cơ sở triển khai, thực hiện các bước tiếp theo theo quy định./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND phường;
- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị;
- Lãnh đạo Văn phòng, CV: KT; CNTT;
- Công thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT, CV. Nhân.

Nguyễn Anh Tài